

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM ĐÔNG
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16-6-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÔNG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Minh Thước.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Hà và bà Hồ Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/01/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 299/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/6/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Mỹ N, sinh năm 1994.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 7, xã HH, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã HS, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Hồ Thị Mỹ N: Bà Trương Thị Hồng Nhạn - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3. Bị đơn: Anh Vương Văn Ph, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn 7, xã HH, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Vương Văn Ph: Ông Đặng Bá Quát - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

5. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Vương Thị Mỹ N, sinh ngày 23/8/2011 theo đơn yêu cầu của chị Hồ Thị Mỹ N: Bà Nguyễn Thị Sương - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 01 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hồ Thị Mỹ N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Mỹ N và anh Vương Văn Ph đăng ký kết hôn ngày 17/6/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Hương Sơn, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế, trước khi kết hôn anh chị có tìm hiểu nhau một thời gian và cuộc hôn nhân này hoàn toàn tự nguyện không ai bị lừa dối, ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại nhà cha mẹ chồng tại Thôn 7, xã HH, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế được khoảng hai năm thì vợ chồng làm nhà tạm tách ra ở riêng, đến năm 2021 thì xây dựng được ngôi nhà xây kiên cố do Nhà nước hỗ trợ. Thời gian đầu sinh sống thì anh Ph đã đánh đập chị N, nhưng sau đó xin lỗi chị N và vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau và cuộc sống bình thường trở lại. Tuy nhiên, anh Ph là người hay ghen tuông vô cớ, mỗi khi đi làm mà chị N nói chuyện với người đàn ông khác thì anh Ph ghen tuông, đánh đập chị N khi đi làm chung với mọi người; có khi anh Ph còn dùng cửa máy, dùng rựa để rượt đuổi chị N. Sau khi đánh chị N thì không cho chị N đi làm mặc dù chị N không làm gì có lỗi với anh Ph; mỗi lần bị đánh đập như vậy chị N chỉ biết qua kể lại với cha mẹ anh Ph, khi anh Ph nghe chị N đi qua nhà cha mẹ anh Ph kể chuyện thì anh Ph lại đánh chị N nên nhiều lần chị N bỏ về nhà cha mẹ đẻ của mình tại xã Hương Sơn, huyện Nam Đông để khỏi bị anh Ph đánh đập.

Sau đó hai bên gia đình nội ngoại, anh em có khuyên bảo thì anh Ph có xin lỗi, hứa không tái phạm. Tuy nhiên, sau đó anh Ph vẫn không thay đổi tính tình của mình, nên từ tháng 11/2020 chị N đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ để sinh sống; do chị N không quay lại để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng nên anh Ph không cho con đi học để gây áp lực buộc chị N phải về ở lại với anh Ph, mặc dù nhiều lần chính quyền địa phương, nhà trường về động viên nhưng anh Ph vẫn không cho con đi học; từ khi chị N về nhà cha mẹ mình thì anh Ph không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện nay chị N xác định chị không thể tiếp tục sống chung với anh Ph được nữa nên chị đã viết đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vương Văn Ph.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Vương Thị Mỹ N, sinh ngày 23/8/2011. Hiện nay cháu N đã nghỉ học và đang ở nhà với anh Ph. Chị N có đề nghị Ủy ban nhân dân xã Hương Hữu và Nhà trường can thiệp giải quyết cho con đi học, nhưng anh Ph kiên quyết không chịu nên hiện nay cháu N đã nghỉ học; các chế độ chính sách của Nhà nước dành cho con anh Ph cũng không cho nhận. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu Tòa án giao cháu N cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; chị N yêu cầu anh Ph phải cấp dưỡng nuôi con mỗi một tháng 500.000 đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung như xe máy, đất đai, nhà cửa, nhưng chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ về tài sản chung: Vợ chồng còn nợ Ngân hàng A huyện ND số tiền gốc 26.000.000 đồng và tiền lãi. Hiện nay, Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải

quyết mà để cho anh Ph tiếp tục trả nợ theo thời hạn cam kết nên chị N cũng tiếp tục để anh Ph trả nợ như trước đây đã cam kết với Ngân hàng.

Ý kiến của bà Trương Thị Hồng Nhạn là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Hồ Thị Mỹ N:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị N được ly hôn anh Ph.

Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Vương Thị Mỹ N sinh ngày 23/8/2011 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con mỗi một tháng 500.000 đồng.

Về tài sản chung: Do chị N không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về nghĩa vụ tài sản chung: Vợ chồng có vay của Ngân hàng A huyện ND số tiền 26.000.000 đồng, anh Ph tự nguyện nhận trả nợ và Ngân hàng cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh Ph.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí dân sự cho chị Hồ Thị Mỹ N.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 14/4/2022, bị đơn anh Vương Văn Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vương Văn Ph thừa nhận diễn biến cuộc hôn nhân giữa anh với chị Hồ Thị Mỹ N là đúng như chị N đã trình bày. Tuy nhiên, anh Ph cho rằng trong cuộc sống chung của vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, nhưng mỗi lần cãi vã nhau thì chị N lại bỏ về nhà cha mẹ mình; chị N không nghe lời anh Ph mà nghe lời người khác nên anh Ph có đánh đập chị N. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân, nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh Ph chưa có ý kiến gì, anh Ph yêu cầu Tòa án cho thêm thời gian để hòa giải và vợ chồng trao đổi thẳng thắn với nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Vương Thị Mỹ N, sinh ngày 23/8/2011. Hiện nay cháu N đang sống với anh Ph. Trong thời gian chị N bỏ về nhà cha mẹ để ở và do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh Ph đã cho con nghỉ học, chính quyền địa phương và nhà trường có đến vận động để cho cháu N đi học lại, nhưng cháu N không muốn đi học nữa, cháu N buồn vì mẹ bỏ đi khỏi nhà. Trường hợp vợ chồng ly hôn thì anh Ph có yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Vương Văn Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ về tài sản chung: Vợ chồng có vay của Ngân hàng A huyện ND số tiền gốc 26.000.000 đồng và tiền lãi. Anh Vương Văn Ph cam kết trả toàn bộ số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng theo đúng hạn ghi trong hợp đồng.

Ý kiến của ông Đặng Bá Quát là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Vương Văn Ph:

Về quan hệ hôn nhân: Mâu thuẫn vợ chồng anh Ph, chị N đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân không ai còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Hồ Thị Mỹ N được ly hôn với anh Vương Văn Ph.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Vương Thị Mỹ N, sinh ngày 23/8/2011. Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, quá trình xác minh, gặp gỡ trực tiếp với anh Ph và cháu N thấy rằng: Việc giao cháu N cho anh Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng không những phù hợp với thực tế phù hợp với đạo đức xã hội và tình cảm đặc biệt thiêng liêng của cha và con, phù hợp với tâm lý và nguyện vọng của cháu N nên kính đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Ph là giao cháu N cho anh Ph tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 2, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Ph không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về nghĩa vụ tài sản: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh Ph đối với số tiền 26.000.000 đồng vay của Ngân hàng A huyện NĐ.

Ý kiến của bà Nguyễn Thị Sương là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Vương Thị Mỹ N, sinh ngày 23/8/2011 theo đơn yêu cầu của chị Hồ Thị Mỹ N: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, biên bản lấy lời khai của các đương sự và biên bản lấy ý kiến cháu N; quá trình gặp gỡ trực tiếp, xem xét trên cơ thể cháu N thấy rằng: Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N, anh Ph không hòa giải được làm ảnh hưởng đến việc học tập của cháu N, cháu N đã nghỉ học. Hiện nay cháu N đang sống với anh Ph ổn định, phát triển bình thường, không có yếu tố bạo lực trẻ em, xâm hại trẻ em nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết giao cháu N cho anh Ph tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành để không làm xáo trộn việc ăn ở của cháu N.

* Quá trình thụ lý hồ sơ vụ án, đại diện Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế có văn bản trả lời cho Tòa án biết hiện nay vợ chồng chị Hồ Thị Mỹ N và anh Vương Văn Ph còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế số tiền gốc 26.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 10/5/2022 là 1.194.000 đồng do anh Vương Văn Ph đứng tên người vay. Quá trình giải quyết vụ án, giữa Ngân hàng và anh Ph thống nhất với nhau về khoản nợ vay và có đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền nợ trên nên Tòa án không tiếp tục đưa Ngân hàng chính sách xã hội vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn và người tham gia tố tụng khác kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Vương Văn Ph không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không đến Tòa án để làm việc là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 16 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Mỹ N được ly hôn với anh Vương Văn Ph.

Về con chung: Giao cháu Vương Thị Mỹ N, sinh ngày 23/8/2011 cho anh Vương Văn Ph tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Vương Văn Ph không yêu cầu chị Hồ Thị Mỹ N đóng tiền cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho chị Hồ Thị Mỹ N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Hồ Thị Mỹ N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Vương Văn Ph cư trú tại Thôn 7, xã HH, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, anh Vương Văn Ph vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần thứ nhất anh Vương Văn Ph vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay anh Vương Văn Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Vương Văn Ph.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Mỹ N và anh Vương Văn Ph kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 17/6/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Hương Sơn, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung

sống hạnh phúc và sinh được 01 người con tên Vương Thị Mỹ N. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, cách sống, suy nghĩ của mỗi người khác nhau; vợ chồng không tin tưởng nhau, anh Ph thường xuyên ghen tuông vô cớ, anh Ph nhiều lần đánh đập chị N nên chị N đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ tại xã Hương Sơn, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế để sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay, không ai còn liên lạc, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, chị Hồ Thị Mỹ N không muốn đoàn tụ gia đình, anh Vương Văn Ph cũng không có biện pháp nào để hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hồ Thị Mỹ N được ly hôn với anh Vương Văn Ph theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Vương Thị Mỹ N, sinh ngày 23/8/2011. Chị Hồ Thị Mỹ N và anh Vương Văn Ph đều có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vương Thị Mỹ N đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử thấy rằng: Yêu cầu, nguyện vọng muốn được chăm sóc, nuôi dưỡng con của chị N và anh Ph đều là chính đáng. Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thực tế cho thấy cháu Vương Thị Mỹ N học đến lớp 5 thì nghỉ học do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có việc giữa chị N và anh Ph không còn sống với nhau dẫn đến tâm lý buồn chán, không muốn học; một phần do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên anh Ph không muốn cho con tiếp tục đi học; chính quyền địa phương và nhà trường nhiều lần vận động cháu N đi học trở lại nhưng không có kết quả. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương, Trợ giúp viên pháp lý để nắm bắt tâm lý, nguyện vọng của cháu N muốn sống với ai; việc phát triển về thể chất, tinh thần của cháu N so với các cháu cùng trang lứa thì thấy rằng hiện nay cháu N đang có nơi sống ổn định cùng với anh Ph, không có yếu tố bạo lực, xâm hại trẻ em; tình trạng cân nặng, chiều cao, sức khỏe của cháu N ổn định, nguyện vọng của cháu N là muốn tiếp tục sống với anh Ph là nguyện vọng chính đáng.

[5] Trên cơ sở cuộc sống hiện tại của cháu N, ý kiến của Trợ giúp viên pháp lý, đề nghị của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu Vương Thị Mỹ N cho anh Vương Văn Ph tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con anh Vương Văn Ph không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ tài sản chung: Vợ chồng có vay của Ngân hàng A huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế số tiền gốc 26.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 10/5/2022 là 1.194.000 đồng do anh Vương Văn Ph đứng tên người vay. Quá trình giải quyết vụ án, giữa Ngân hàng và anh Ph thống nhất với nhau về khoản nợ vay và có đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền nợ trên nên Tòa án không tiếp tục đưa

Ngân hàng chính sách xã hội vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hồ Thị Mỹ N sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên thuộc đối tượng miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Trả lại cho chị Hồ Thị Mỹ N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002569 ngày 17/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế..

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83, Điều Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 16 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Mỹ N được ly hôn anh Vương Văn Ph.

2. Về con chung: Giao cháu Vương Thị Mỹ N, sinh ngày 23/8/2011 cho anh Vương Văn Ph tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con anh Vương Văn Ph không yêu cầu chị Hồ Thị Mỹ N cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Hồ Thị Mỹ N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn đề nghị thay đổi nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hồ Thị Mỹ N được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Hồ Thị Mỹ N số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị Hồ Thị Mỹ N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002569 ngày 17/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Hồ Thị Mỹ N có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Vương Văn Ph vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Nam Đông;
- Chi cục THADS huyện Nam Đông;
- UBND xã HS, huyện NĐ (Đăng ký kết hôn ngày 17/6/2011)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Minh Thước